CQ chủ quản: **SỞ TƯ PHÁP TP.HCM**

Chương: **414**

Phụ lục số 2

CÔNG KHAI CHỈ TIÊU THỰC HIỆN TIẾT KIỆM THÊM TRÊN 5% CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2026 THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 135/NQ-CP NGÀY 22/5/2026 CỦA CHÍNH PHỦ

(Điều chỉnh lần 3)

Đơn vị sử dụng ngân sách: **Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước TPHCM**

Mã số ĐVQHNS: **1073100**

KBNN nơi giao dịch: **KBNN Khu vực II- Phòng giao dịch số 10**

Chương 414 Loại 280 Khoản 338

(Đính kèm theo Quyết định số 705/QĐ-STP ngày 26/8/2026 của Sở Tư pháp TP.HCM)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Mã NKT/ Mã NKP	Dự toán năm 2026 (sau hợp nhất) (lần 1)	Điều chỉnh theo QĐ số 2643/QĐ-UBND (lần 2)	Tiết kiệm thêm 5%CTX 2026 theo CV 23978/STC-QLNS (điều chỉnh lần 3)	Tổng cộng
A	B	C	*1*	*2*	*3*	*4=1+2+3*
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**					
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**		**30.159**	**116**	**0**	**30.275**
1	**Sự nghiệp khoa học và công nghệ**				**0**	**0**
2	**Chi sự nghiệp các hoạt động kinh tế**	**338**	**30.159**	**116**	**0**	**30.275**
2.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**				**0**	**0**
a	Chi từ ngân sách Thành phố					
b	Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố cấp					
2.2	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**		**18.498**	**116**	**-7**	**18.607**
a	**Chi từ ngân sách Thành phố**	**12**	**10.420**	**116**	**-7**	**10.529**
1	Phụ cấp trách nhiệm Trợ giúp viên pháp lý (25%)		669			669
2	Tập huấn công tác TGPL trong hoạt động tố tụng		79			79

STT	Nội dung	Mã NKT/ Mã NKP	Dự toán năm 2026 (sau hợp nhất) (lần 1)	Điều chỉnh theo QĐ số 2643/QĐ-UBND (lần 2)	Tiết kiệm thêm 5%CTX 2026 theo CV 23978/STC-QLNS (điều chỉnh lần 3)	Tổng cộng
A	B	C	*1*	*2*	*3*	*4=1+2+3*
3	Thực hiện trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật		147			147
4	Thù lao TGV, LS tham gia tố tụng (KP nghiệp vụ đặc thù TGPL)		8.909		-7	8.902
5	KP trang phục cho trợ giúp viên pháp lý		160			160
6	Trợ cấp thôi việc		50			50
7	KP tổ chức HN tập huấn kỹ năng TGPL		52			52
8	In bìa hs, sổ theo dõi vụ việc TGPL		8			8
9	Hỗ trợ tiền nhà ở theo Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 28/8/2025		346			346
10	Kinh phí chăm lo Tết Bính Ngọ năm 2026			116		116
b	**Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố cấp**		**8.078**	**0**	**0**	**8.078**
10	+ Chi tăng thu nhập theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội, NQ 27/2025/NQ-HĐND ngày 28/8/2025	14	7.588			7.588
11	+ Chi chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	18	490			490
2.3	**Dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ:** do đơn vị (sau hợp nhất) chưa được giao quyền tự chủ tài chính năm 2026		**11.661**	**0**	**-198**	**11.463**
a	Chi từ ngân sách Thành phố	12	9.126		-198	8.928
b	Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố cấp		2.535		0	2.535
2.4	**Kinh phí tiết kiệm thêm trên 5% chi thường xuyên năm 2026 theo Nghị quyết số 135/NQ-CP ngày 22/5/2026 của Chính phủ**	**28**	**0**		**205**	**205**
2.4.1	**Dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ:** do đơn vị (sau hợp nhất) chưa được giao quyền tự chủ tài chính năm 2026		**0**		**198**	**198**

STT	Nội dung	Mã NKT/ Mã NKP	Dự toán năm 2026 (sau hợp nhất) (lần 1)	Điều chỉnh theo QĐ số 2643/QĐ-UBND (lần 2)	Tiết kiệm thêm 5%CTX 2026 theo CV 23978/STC-QLNS (điều chỉnh lần 3)	Tổng cộng
A	B	C	*1*	*2*	*3*	*4=1+2+3*
a	Chi từ ngân sách Thành phố	28			198	198
b	Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố cấp				0	0
2.4.2	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**28**	**0**		**7**	**7**
a	Chi từ ngân sách Thành phố	28			7	7
b	Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố cấp				0	0
3	**Sự nghiệp hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể**		**0**	**0**	**0**	**0**

Ghi chú:

- Dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 đã trừ khoản tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, tiết kiệm 10% chi thường xuyên để bổ sung nguồn chi an sinh xã hội theo Nghị quyết số 245/2025/QH15 của Quốc hội và đã được giữ lại ở ngân sách Thành phố.

- Nguồn cải cách tiền lương ngân sách Thành phố cấp và nguồn cải cách tiền lương tại đơn vị được sử dụng cho nhu cầu chi chính sách tăng lương cơ sở theo lộ trình của Chính phủ, chi tinh giản biên chế, chi quỹ tiền thưởng, chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế đặc thù của Thành phố và các văn bản quy định hiện hành.

Điều chỉnh lần 1:

Điều chỉnh chỉ tiêu dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 1) cho Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước số 1 Thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước số 2 Thành phố Hồ Chí Minh và Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước số 3 Thành phố Hồ Chí Minh (theo Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 21/01/2026 của UBND Thành phố).

Dự toán điều chỉnh lần 2

- Bổ sung dự toán kinh phí chăm lo Tết Bính Ngọ năm 2026 theo Quyết định số 2643/QĐ-UBND ngày 07/5/2026 của UBND Thành phố; số tiền 116 triệu đồng.

Điều chỉnh lần 3:

- Kinh phí tiết kiệm thêm trên 5% chi thường xuyên năm 2026 theo Nghị quyết số 135/NQ-CP ngày 22/5/2026 của Chính phủ; số tiền 205 triệu đồng (nguồn không tự chủ (do chưa được giao tự chủ tài chính): 198 triệu đồng; nguồn không tự chủ 7 triệu đồng) điều chỉnh sang mã nguồn 28 để theo dõi./.

CQ chủ quản: **SỞ TƯ PHÁP TP.HCM**

Chương: **414**

Phụ lục số 2

CÔNG KHAI CHỈ TIÊU THỰC HIỆN TIẾT KIỆM THÊM TRÊN 5% CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2026
THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 135/NQ-CP NGÀY 22/5/2026 CỦA CHÍNH PHỦ
(Điều chỉnh lần 1)

Đơn vị sử dụng ngân sách: **Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản Thành phố Hồ Chí Minh**

Mã số ĐVQHNS: **1047125**

KBNN nơi giao dịch:**KBNN Khu vực II - Phòng giao dịch số 7**

Chương 414 Loại 100, 280 Khoản 121, 338

(Đính kèm theo Quyết định số 705/QĐ-STP ngày 26/8/2026 của Sở Tư pháp TP.HCM)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Mã NKT/ Mã NKP	Dự toán năm 2026	Tiết kiệm thêm 5%CTX 2026 theo CV 23978/STC-QLNS (điều chỉnh lần 1)	Tổng cộng
A	B	C	*1*	*2*	*3=1+2*
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**		**7.424**	**0**	**7.424**
1	**Sự nghiệp khoa học và công nghệ**	**121**	**6.574**	**0**	**6.574**
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		0		0
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		6.574	0	6.574
	KP Xây dựng Hệ thống đấu giá trực tuyến trên địa bàn TPHCM	*12*	*6.574*		*6.574*
2	**Chi sự nghiệp các hoạt động kinh tế**	**338**	**850**	**0**	**850**
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		0		0
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		850	-44	806
a	Chi từ ngân sách Thành phố		850	-44	806

STT	Nội dung	Mã NKT/ Mã NKP	Dự toán năm 2026	Tiết kiệm thêm 5%CTX 2026 theo CV 23978/STC-QLNS (điều chỉnh lần 1)	Tổng cộng
A	B	C	*1*	*2*	*3=1+2*
	Chi công tác mua sắm tập trung tài sản công	*12*	*850*	*-44*	*806*
b	Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố cấp				
	+ Chi tăng thu nhập theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội				
	+ Chi chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ				
2.3	**Kinh phí tiết kiệm thêm trên 5% chi thường xuyên năm 2026 theo Nghị quyết số 135/NQ-CP ngày 22/5/2026 của Chính phủ**	**28**	**0**	**44**	**44**
2.3.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**		**0**	**0**	**0**
2.3.2	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**28**	**0**	**44**	**44**
a	Chi từ ngân sách Thành phố	28		44	44
b	Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố cấp				0
3	**Sự nghiệp hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể**		**0**	**0**	**0**

Ghi chú:

- Dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 đã trừ khoản tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, tiết kiệm 10% chi thường xuyên để bổ sung nguồn chi an sinh xã hội theo Nghị quyết số 245/2025/QH15 của Quốc hội và đã được giữ lại ở ngân sách Thành phố.

- Nguồn cải cách tiền lương ngân sách Thành phố cấp và nguồn cải cách tiền lương tại đơn vị được sử dụng cho nhu cầu chi chính sách tăng lương cơ sở theo lộ trình của Chính phủ, chi tinh giản biên chế, chi quỹ tiền thưởng, chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế đặc thù của Thành phố và các văn bản quy định hiện hành.

Điều chỉnh lần 1:

- Kinh phí tiết kiệm thêm trên 5% chi thường xuyên năm 2026 theo Nghị quyết số 135/NQ-CP ngày 22/5/2026 của Chính phủ; số tiền 44 triệu đồng (nguồn không tự- mã nguồn 12) điều chỉnh sang mã nguồn 28 để theo dõi./.

CQ chủ quản: **SỞ TƯ PHÁP TP.HCM**

Chương: **414**

Phụ lục số 2

CÔNG KHAI CHỈ TIÊU THỰC HIỆN TIẾT KIỆM THÊM TRÊN 5% CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2026 THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 135/NQ-CP NGÀY 22/5/2026 CỦA CHÍNH PHỦ

(Điều chỉnh lần 5)

Đơn vị sử dụng ngân sách: **VĂN PHÒNG SỞ TƯ PHÁP TPHCM**

Mã số ĐVQHNS: **1075715**

Mã KBNN nơi giao dịch: **0111**

Chương **414** Loại **340** Khoản **121, 341**

(Đính kèm theo Quyết định số 705/QĐ-STP ngày 26/8/2026 của Sở Tư pháp TP.HCM)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Mã NKT/ Mã NKP	Dự toán đầu năm 2026	Điều chỉnh theo QĐ số 1185/QĐ-UBND (lần 1)	Dự toán điều chỉnh lần 2		Dự toán điều chỉnh lần 3		Điều chỉnh theo QĐ số 4992/QĐ-UBND (lần 4)	Tiết kiệm thêm 5%CTX 2026 theo CV 23978/STC-QLNS (đ/chỉnh lần 5)	Tổng cộng
					Điều chỉnh theo QĐ số 2589/QĐ-UBND	Điều chỉnh theo QĐ số 2643/QĐ-UBND	Điều chỉnh theo Công văn số 3866/UBND-VX (cân đối)	Điều chỉnh theo QĐ số 4154/QĐ-UBND			
A	B	C	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9=1+2+..+8*
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**		**67.662**	**252**	**-1.371**	**228**	**0**	**18.951**	**2.721**	**0**	**88.443**
1	**Sự nghiệp khoa học và công nghệ**	**121**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**18.951**	**0**	**0**	**18.951**
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		0	0	0	0	0	18.951	0	0	18.951
1	KP "Số hóa sổ hộ tịch trên địa bàn TPHCM (giai đoạn 2)"							14.952			14.952
2	KP "Nâng cấp hạ tầng, hệ thống mạng nội bộ tại Sở Tư pháp"							1.999			1.999
3	KP Xây dựng "Phần mềm quản lý công tác xây dựng pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh"							2.000			2.000
2	**Chi sự nghiệp các hoạt động kinh tế**		**0**								**0**
3	**Sự nghiệp hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể**	**341**	**67.662**	**252**	**-1.371**	**228**	**0**	**0**	**2.721**	**0**	**69.492**
3.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**		**31.059**	**0**	**-1.371**	**0**	**0**	**0**	**0**	**-497**	**29.191**
a	Chi từ ngân sách Thành phố		24.137		-774					-497	22.866
b	Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố cấp		6.922		-597						6.325
3.2	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**		**36.603**	**252**	**0**	**228**	**0**	**0**	**2.721**	**-140**	**39.664**
a	**Chi từ ngân sách Thành phố**		**17.331**	**252**	**0**	**228**	**0**	**0**	**2.721**	**-140**	**20.392**
1	KP bồi dưỡng công tác tiếp công dân, xử lý đơn		253								253
2	KP hoạt động ISO		65								65
3	Trợ cấp thôi việc theo ND170/2025/NĐ-CP		200								200
4	KP cho công tác phổ biến GDPL		1.648							-48	1.600
5	KP kiểm tra, rà soát văn bản		457								457

STT	Nội dung	Mã NKT/ Mã NKP	Dự toán đầu năm 2026	Điều chỉnh theo QĐ số 1185/QĐ-UBND (lần 1)	Dự toán điều chỉnh lần 2		Dự toán điều chỉnh lần 3		Điều chỉnh theo QĐ số 4992/QĐ-UBND (lần 4)	Tiết kiệm thêm 5%CTX 2026 theo CV 23978/STC-QLNS (đ/chỉnh lần 5)	Tổng cộng
					Điều chỉnh theo QĐ số 2589/QĐ-UBND	Điều chỉnh theo QĐ số 2643/QĐ-UBND	Điều chỉnh theo Công văn số 3866/UBND-VX (cân đối)	Điều chỉnh theo QĐ số 4154/QĐ-UBND			
A	B	C	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9=1+2+..+8*
6	KP theo dõi thi hành PL, công tác bồi thường NN, quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý VPHC (theo chỉ đạo của UBND TP)		202							-10	192
7	KP bồi dưỡng Giám định viên tư pháp		9.188								9.188
8	KP tổ chức Hội nghị PL		212				-33			-59	120
9	KP nghiệp vụ giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài		324							-16	308
10	KP phục vụ công tác thu P-LP		137							-7	130
11	KP tham gia các vụ kiện		3								3
12	KP xây dựng và thẩm tra báo cáo cho văn bản QPPL (dự kiến 4 QĐ và 1 NQ)		526								526
13	KP hỗ trợ tiền thuê nhà ở theo NQ24/2025 (3 PGĐ, 21 CV)		1.498								1.498
14	KP chi chế độ chính sách cho người tham gia xây dựng PL theo NQ197/2025/QH15		2.618								2.618
15	KP phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội Khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031			252							252
16	Kinh phí chăm lo Tết Bính Ngọ năm 2026					228					228
17	KP đặt mua báo Đảng						33				33
18	KP xây dựng dự án Luật Phát triển đô thị								2.721		2.721
b	**Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố cấp**		**19.272**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**19.272**
1	+ Chi tăng thu nhập theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội, NQ 27/2025/NQ-HĐND ngày 28/8/2025		18.139								18.139
2	+ Chi chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ		1.133								1.133
3.3	**Kinh phí tiết kiệm thêm trên 5% chi thường xuyên năm 2026 theo Nghị quyết số 135/NQ-CP ngày 22/5/2026 của Chính phủ**	**28**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**637**	**637**
3.3.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**		**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**497**	**497**
a	Chi từ ngân sách Thành phố	28								497	497
b	Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố cấp									0	0
3.3.2	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**		**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**140**	**140**
a	Chi từ ngân sách Thành phố	28								140	140
b	Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố cấp									0	0

Ghi chú:

- Dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 đã trừ khoản tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, tiết kiệm 10% chi thường xuyên để bổ sung nguồn chi an sinh xã hội theo Nghị quyết số 245/2025/QH15 của Quốc hội và đã được giữ lại ở ngân sách Thành phố.

STT	Nội dung	Mã NKT/ Mã NKP	Dự toán đầu năm 2026	Điều chỉnh theo QĐ số 1185/QĐ-UBND (lần 1)	Dự toán điều chỉnh lần 2		Dự toán điều chỉnh lần 3		Điều chỉnh theo QĐ số 4992/QĐ-UBND (lần 4)	Tiết kiệm thêm 5%CTX 2026 theo CV 23978/STC-QLNS (đ/chỉnh lần 5)	Tổng cộng
					Điều chỉnh theo QĐ số 2589/QĐ-UBND	Điều chỉnh theo QĐ số 2643/QĐ-UBND	Điều chỉnh theo Công văn số 3866/UBND-VX (cân đối)	Điều chỉnh theo QĐ số 4154/QĐ-UBND			
A	B	C	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9=1+2+..+8*

- Nguồn cải cách tiền lương ngân sách Thành phố cấp và nguồn cải cách tiền lương tại đơn vị được sử dụng cho nhu cầu chi chính sách tăng lương cơ sở theo lộ trình của Chính phủ, chi tinh giản biên chế, chi quỹ tiền thưởng, chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế đặc thù của Thành phố và các văn bản quy định hiện hành.

Điều chỉnh lần 1:

- Bổ sung dự toán KP phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội Khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 cơ sở, số tiền: 252.198.000 đồng (theo Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 03/3/2026 của Uỷ ban nhân dân Thành phố).

Điều chỉnh lần 2:

- Điều chỉnh giảm dự toán do sự thay đổi biên chế và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo Quyết định số 2589/QĐ-UBND ngày 30/4/2026 của UBND Thành phố; số tiền: 1.371 triệu đồng (trong đó: giảm nguồn CCTL: 597 triệu đồng; giảm nguồn CTX: 774 triệu đồng)

- Bổ sung dự toán kinh phí chăm lo Tết Bính Ngọ năm 2026 theo Quyết định số 2643/QĐ-UBND ngày 07/5/2026 của UBND Thành phố; số tiền 228 triệu đồng.

Điều chỉnh lần 3:

- Điều chỉnh bổ sung nội dung kinh phí đặt mua báo Đảng sử dụng, cân đối từ kinh phí NSNN cấp từ đầu năm 2026 theo Công văn 3866/UBND-VX ngày 15/5/2026 của Uỷ ban nhân dân Thành phố; số tiền Phòng chuyên môn dự trù sử dụng trang bị báo Đảng trong năm 2026 là 33 triệu đồng;

- Bổ sung kinh phí cho 03 hạng mục khoa học công nghệ, chuyển đổi số tại Sở Tư pháp theo Quyết định số 4154/QĐ-UBND ngày 06/7/2026 của Uỷ ban nhân dân Thành phố; số tiền 18.951 triệu đồng; trong đó:
1- KP "Số hóa sổ hộ tịch trên địa bàn TPHCM (giai đoạn 2)": 14.951.460.000 đồng; 2- KP "Nâng cấp hạ tầng, hệ thống mạng nội bộ tại Sở Tư pháp": 1.999.370.000 đồng và 3- KP Xây dựng "Phần mềm quản lý công tác xây dựng pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh: 2 tỷ đồng.

Điều chỉnh lần 4:

- Bổ sung kinh phí xây dựng dự án Luật Phát triển đô thị cho Sở Tư pháp theo Quyết định số 4992/QĐ-UBND ngày 10/8/2026 của Uỷ ban nhân dân Thành phố; số tiền 2.721 triệu đồng.

Điều chỉnh lần 5:

- Kinh phí tiết kiệm thêm trên 5% chi thường xuyên năm 2026 theo Nghị quyết số 135/NQ-CP ngày 22/5/2026 của Chính phủ; số tiền 637 triệu đồng (nguồn tự chủ: 497 triệu đồng; nguồn không tự chủ 140 triệu đồng) điều chỉnh sang mã nguồn 28 để theo dõi./.